

**CÔNG TY CP CUNG ỨNG DỊCH VỤ HÀNG HẢI
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU PHƯƠNG ĐÔNG**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

cùng với báo cáo của kiểm toán viên

Mã số thuế: 0 3 0 6 2 9 1 3 4 9

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-26



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công Ty Cổ Phần Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải Và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

CÔNG TY

Công Ty Cổ Phần Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải Và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310667587, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 14 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Hạnh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc
Bà Nguyễn Phương Vĩnh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Trần Thanh Hải	Thành viên HĐQT
Ông Nguyễn Quốc An Khánh	Thành viên HĐQT
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Thành viên HĐQT

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Ngô Thế Khang	Trưởng ban
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên
Ông Lê Minh Giáp	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Nguyễn Thanh Hạnh

Số: 11.23.444/ITO-DN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc**
Công Ty Cổ Phần Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hạng Và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công Ty Cổ Phần Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hạng Và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 26 tháng 03 năm 2024, từ trang 06 đến trang 26, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công Ty Cổ Phần Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hạng Và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 lập ngày 23/03/2023 được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán khác. Kiểm toán viên của Công ty kiểm toán này đã đưa ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Công ty TNHH Kiểm toán I.T.O



Lê Văn Trắng

Phó Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1829-2023-131-1

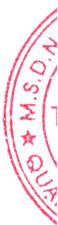


Đinh Thị Minh Trinh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4129-2022-131-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.525.939.295	3.820.718.399
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	27.511.166	36.047.675
1. Tiền	111		27.511.166	36.047.675
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.325.358.822	3.682.600.530
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.2	1.617.786.127	3.811.364.034
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.821.338.562	1.839.958.306
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4	207.263.764	352.307.821
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(2.321.029.631)	(2.321.029.631)
IV. Hàng tồn kho	140		84.137.528	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		88.931.779	102.070.194
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7	16.516.948	29.655.363
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.9	72.414.831	72.414.831
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		70.598.112	85.349.728
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		66.770.612	80.124.728
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	66.770.612	80.124.728
- Nguyên giá	222		429.507.200	1.533.693.563
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(362.736.588)	(1.453.568.835)
2. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		75.854.000	75.854.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(75.854.000)	(75.854.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.827.500	5.225.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7	3.827.500	5.225.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.596.537.407	3.906.068.127

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		318.025.524	1.319.442.527
I. Nợ ngắn hạn	310		318.025.524	1.319.442.527
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.8	170.420.501	825.469.970
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.9	24.387.802	25.663.064
4. Phải trả người lao động	314		80.633.631	228.451.133
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.10	25.000.000	50.000.000
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.11	15.053.046	187.327.816
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		2.530.544	2.530.544
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		1.278.511.883	2.586.625.600
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.12	1.278.511.883	2.586.625.600
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		18.540.000.000	18.540.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		18.540.000.000	18.540.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		801.374.718	801.374.718
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(18.062.862.835)	(16.754.749.118)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		(16.754.749.118)	(15.719.309.078)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cuối kỳ này	421b		(1.308.113.717)	(1.035.440.040)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.596.537.407	3.906.068.127

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

Phạm Thu Thảo

Phạm Thu Thảo

Nguyễn Thanh Hạnh



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	29.240.050.617	21.047.167.996
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		29.240.050.617	21.047.167.996
4. Giá vốn hàng bán	11	6.2	28.027.117.555	19.804.095.658
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		1.212.933.062	1.243.072.338
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	128.817.403	29.730.589
7. Chi phí tài chính	22	6.4	619.211	38.075.625
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	14.700.000
8. Chi phí bán hàng	25	6.5	788.949.100	806.400.712
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	2.094.484.250	2.363.848.004
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(1.542.302.096)	(1.935.521.414)
11. Thu nhập khác	31	6.7	584.888.803	1.010.682.831
12. Chi phí khác	32	6.8	350.700.424	110.601.457
13. Lợi nhuận khác	40		234.188.379	900.081.374
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(1.308.113.717)	(1.035.440.040)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	6.9	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(1.308.113.717)	(1.035.440.040)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		(706)	(558)
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (*)	71		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Giám đốc

Phạm Thu Thảo

Phạm Thu Thảo

Nguyễn Thanh Hạnh



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(1.308.113.717)	(1.035.440.040)
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		13.354.116	13.354.116
- Các khoản dự phòng	03		-	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(407.428)	(108.336)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(291.242.106)	-
- Chi phí lãi vay	06		-	14.700.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.586.409.135)	(1.007.494.260)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		2.357.241.708	156.307.319
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(1.001.417.003)	849.285.002
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		14.535.915	(17.435.363)
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	(14.700.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(300.186.043)	(34.037.302)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		290.909.091	-
2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		333.015	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		-291.242.106	-
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	1.080.000.000
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	(1.080.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(8.943.937)	(34.037.302)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		36.047.675	69.976.641
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		407.428	108.336
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	70	5.1	27.511.166	36.047.675

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thu Thảo

Phạm Thu Thảo

Nguyễn Thanh Hạnh

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**Hình thức sở hữu vốn**

Công Ty Cổ Phần Cung Ứng Dịch Vụ Hàng Hải Và Xuất Nhập Khẩu Phương Đông được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0310667587, đăng ký lần đầu ngày 23 tháng 12 năm 2009 và đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 14 tháng 03 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở của Công ty được đặt tại: 438 Nguyễn Tất Thành, Phường 18, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 18.540.000.000 VND tương đương 1.854.000 cổ phần, mệnh giá cổ phần là 10.000/cổ phần, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 18.540.000.000 đồng, trong đó:

Tên chủ sở hữu	Tỷ lệ (%)	VND
Ông Nguyễn Thanh Hạnh	60,67	11.247.050.000
Ông Nguyễn Quốc Khánh An	15,10	2.800.000.000
Các cổ đông khác	24,23	4.492.950.000
Cộng	100,00	18.540.000.000

Lĩnh vực kinh doanh: Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
Chi tiết: Bán buôn sơn. Bán buôn xi măng, clanhke, thạch cao. Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng.
Bán buôn, xuất nhập khẩu các loại: gỗ cây, gỗ chế biến, ván
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa
Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.
- Bốc xếp hàng hóa
Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa cảng biển
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
Chi tiết: Giao nhận hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Đại lý vé máy bay (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển và hoạt động liên quan đến vận tải đường hàng không).
- Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)
Chi tiết: Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ) như: tàu, thuyền (không hoạt động tại trụ sở).

Số lượng nhân viên: Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 13 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 29 nhân viên).

2. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

4.2 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong năm:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Tỷ giá khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Tỷ giá khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

4.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

4.4 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ theo quy định tại Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 08 tháng 08 năm 2019.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

4.5 Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05	năm

4.6 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

4.7 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4.8 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

4.9 Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra;
- Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ;
- Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Dự phòng phải trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở năm trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở năm báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong năm.

4.10 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được phân phối theo các quy định tại Điều lệ công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

4.11 Doanh thu*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

4.12 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp bán trong năm, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

4.13 Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

4.14 Các khoản thuế

Chi phí thuế TNDN hiện hành và Chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

4.15 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, cần chú ý tới bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	316.149	4.307.638
Tiền gửi ngân hàng [1]	27.195.017	31.740.037
	27.511.166	36.047.675

[1] Trong đó:

- Ngân hàng TMCP Á Châu - VND	1.354.823	1.655.426
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - VND - 04016010012560	1.703.408	1.702.839
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - VND - 04001010004664	2.229.289	2.224.837
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - VND	1.305.495	9.099.688
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - VND	-	2.449.352
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - VND	6.241.153	229.202
- Ngân hàng TMCP Á Châu - USD	2.774.820	2.693.106
	tương đương \$ 115,09	
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - USD - 04016370004670	2.600.473	3.680.232
	tương đương \$ 108,02	
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - USD - 04001370004667	3.353.990	3.250.475
	tương đương \$ 139,32	
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - USD	4.877.816	4.754.880
	tương đương \$ 203,20	
- Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam - USD	753.750	-
	tương đương \$ 31,25	

5.2 PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam	911.227.876	2.214.850.196
- Công ty Xi Măng Chin Fon	-	973.347.157
- Công ty Cổ Phần Hàng Hải Nam Việt	435.348.573	435.348.573
- Công ty TNHH XNK Gỗ Hùng Dũng HD Cà Mau	193.734.000	122.391.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	77.475.678	65.427.108
	1.617.786.127	3.811.364.034

5.3 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Trả trước người bán ngắn hạn		
- PT.Jayantara JI.Perintis Kemedekaan - Indonesia	1.808.225.380	1.808.225.380
- Các khoản trả trước người bán khác	13.113.182	31.732.926
	1.821.338.562	1.839.958.306

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

5.4 CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngắn hạn				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	499.310	-	-	-
Tạm ứng	190.408.772	-	302.450.369	-
Ký cược, ký quỹ	2.000.000	-	27.000.000	-
Phải thu khác	14.355.682	-	22.857.452	-
	207.263.764	-	352.307.821	-

5.5 DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam	911.227.876	911.227.876	2.214.850.196	2.214.850.196
- Cửa hàng 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP HCM	11.573.750	11.573.750	11.573.750	11.573.750
- Công ty CP Hàng Hải Nam Việt	435.328.573	-	435.328.573	-
- T.Jayantara Jl.Perintis Kemedekaan - Indonesia	1.808.225.380	-	1.808.225.380	-
- Alayyan Navigation Co., Ltd	59.773.980	-	59.773.980	-
- Công ty TNHH MTV Nam Triệu	17.701.698	-	17.701.698	-
	3.243.831.257	922.801.626	4.547.453.577	2.226.423.946

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)*

5.6 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	429.507.200	1.025.913.636	78.272.727	1.533.693.563
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.025.913.636)	(1.025.913.636)
- Giảm khác	-	-	(78.272.727)	(78.272.727)
Số dư cuối năm	429.507.200	1.025.913.636	(1.025.913.636)	429.507.200
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	349.382.472	1.025.913.636	78.272.727	1.453.568.835
- Khấu hao trong kỳ	13.354.116	-	(78.272.727)	(64.918.611)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.025.913.636)	(1.025.913.636)
Số dư cuối năm	362.736.588	1.025.913.636	(1.025.913.636)	362.736.588
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	80.124.728	-	-	80.124.728
Tại ngày cuối năm	66.770.612	-	-	66.770.612

5.7 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
a) Ngắn hạn	16.516.948	29.655.363
Công cụ dụng cụ xuất dùng	4.351.250	4.295.874
Chi phí phần mềm	3.608.336	10.212.494
Chi phí sửa chữa	-	11.199.997
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	8.557.362	3.946.998
b) Dài hạn	3.827.500	5.225.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.452.500	-
Chi phí trả trước dài hạn khác	2.375.000	5.225.000
	20.344.448	34.880.363

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

5.8 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Phải trả người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM Vận Tải Hoàng Bách	-	-	712.033.100	712.033.100
- Công ty Cổ Phần Hàng Hải Sài Gòn	170.382.000	170.382.000	106.191.000	106.191.000
- Phải trả các đối tượng khác	38.501	38.501	7.245.870	7.245.870
	170.420.501	170.420.501	825.469.970	825.469.970

5.9 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm
	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	17.830.511	-	19.693.757
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	72.414.831	-	72.414.831	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	6.557.291	-	5.969.307
	72.414.831	24.387.802	72.414.831	25.663.064

5.10 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Chi phí kiểm toán	25.000.000	50.000.000
	25.000.000	50.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

5.11 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	5.332.736	-
- Nguyễn Thị Thanh Hà - tiền mượn phải trả	-	100.000.000
- Nguyễn Phương Vinh Hải - tiền mượn phải trả	-	60.000.000
- Nguyễn Văn Chính - tiền mượn phải trả	-	20.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	9.720.310	7.327.816
	15.053.046	187.327.816

5.12 VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	18.540.000.000	801.374.718	(15.719.309.078)	3.622.065.640
Tăng vốn trong năm trư	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm trước	-	-	(1.035.440.040)	(1.035.440.040)
Số dư cuối năm trước	18.540.000.000	801.374.718	(16.754.749.118)	2.586.625.600
Số dư đầu năm nay	18.540.000.000	801.374.718	(16.754.749.118)	2.586.625.600
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-
Lãi/lỗ trong năm nay	-	-	(1.308.113.717)	(1.308.113.717)
Số dư cuối năm nay	18.540.000.000	801.374.718	(18.062.862.835)	1.278.511.883

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	31/12/2023	Tỷ lệ	01/01/2023
	(%)	VND	(%)	VND
- Ông Nguyễn Thanh Hạnh	60,66%	11.247.050.000	60,66%	11.247.050.000
- Ông Nguyễn Quốc Khách An	15,10%	2.800.000.000	15,10%	2.800.000.000
- Các cổ đông khác	24,23%	4.492.950.000	24,23%	4.492.950.000
	100%	18.540.000.000	100%	18.540.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	18.540.000.000	18.540.000.000
- Vốn góp đầu năm	18.540.000.000	18.540.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	-
- Vốn góp giảm trong năm	-	-
- Vốn góp cuối năm	18.540.000.000	18.540.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	-
- Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm nay	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.854.000	1.854.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.854.000	1.854.000
- Cổ phiếu phổ thông	1.854.000	1.854.000
Mệnh giá cổ phiếu đã lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	801.374.718	801.374.718
	801.374.718	801.374.718

5.13 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
USD	596,88	615,35
	596,88	615,35

b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Công ty CP Dịch Vụ Tân Thuận Hải	3.576.365	3.576.365
- Tiền hỗ trợ án phí (Tàu Elder)	4.010.000	4.010.000
- Cửa hàng 438 Nguyễn Tất Thành, P.18, Q.4, TP HCM	11.573.750	-
- Nguyễn Hoài Bảo My (tạm ứng)	132.323.450	-
- Cảng vụ TP HCM	2.968.026	-
	154.451.591	7.586.365

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**6.1 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	17.055.937.500	10.091.519.400
Doanh thu cung cấp dịch vụ	12.184.113.117	10.955.648.596
	29.240.050.617	21.047.167.996

6.2 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	16.526.196.855	9.639.610.474
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.500.920.700	10.164.485.184
	28.027.117.555	19.804.095.658

6.3 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	333.015	535.480
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	128.076.960	29.086.773
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	407.428	108.336
	128.817.403	29.730.589

6.4 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	14.700.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	619.211	23.375.625
	619.211	38.075.625

6.5 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nhân công	515.418.223	605.281.646
Chi phí dịch vụ mua ngoài	22.912.181	8.894.293
Chi phí khác bằng tiền	250.618.696	192.224.773
	788.949.100	806.400.712

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

6.6 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	59.080.800	-
Chi phí công cụ dụng cụ	5.109.136	5.745.500
Chi phí nhân công	1.754.034.780	1.947.876.338
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.354.116	13.354.116
Thuế, phí, lệ phí	67.515.565	20.920.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	66.555.774	51.647.063
Chi phí khác bằng tiền	128.834.079	324.304.311
	2.094.484.250	2.363.848.004

6.7 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	290.909.091	-
Tiền thưởng do hoàn thành công việc trước kế hoạch	292.107.166	996.478.684
Thu nhập khác	1.872.546	14.204.147
	584.888.803	1.010.682.831

6.8 CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	165.751.288	5.365.900
Chi phí khác	184.949.136	105.235.557
	350.700.424	110.601.457

6.9 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(1.308.113.717)	(1.035.440.040)
Các khoản điều chỉnh tăng	375.700.424	200.319.457
- Chi phí không hợp lệ	350.700.424	200.319.457
- Chi phí trích trước	25.000.000	-
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	14.164.520
Các khoản điều chỉnh giảm	407.428	-
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	407.428	-
Thu nhập tính thuế TNDN	(932.005.865)	(820.956.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023
(Tiếp theo)

6.10 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí mua hàng	16.526.196.855	-
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	64.189.936	5.745.500
Chi phí nhân công	3.279.405.477	3.666.522.269
Chi phí khấu hao tài sản cố định	13.354.116	13.354.116
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.664.573.709	9.027.245.720
Chi phí khác bằng tiền	379.452.775	621.866.295
	30.927.172.868	13.334.733.900

7. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng.

8. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Thông tin về các bên liên quan của Công ty:

Bên liên quan

Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam
Nguyễn Thị Thanh Hà
Nguyễn Phương Vĩnh Hải
Nguyễn Văn Chính
Nguyễn Thanh Hạnh

Mối quan hệ

Cổ đông công ty
Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên quản lý chủ chốt
Thành viên quản lý chủ chốt

Trong năm, Công ty có giao dịch với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nghiệp vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam	Thanh toán tiền mua dịch vụ	1.280.000.000	-
Nguyễn Thị Thanh Hà	Mượn tiền	-	100.000.000
	Trả tiền mượn	100.000.000	
Nguyễn Phương Vĩnh Hải	Mượn tiền	-	60.000.000
	Trả tiền mượn	60.000.000	-
Nguyễn Văn Chính	Mượn tiền	-	20.000.000
	Trả tiền mượn	20.000.000	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam	911.227.876	2.214.850.196
Phải thu ngắn hạn khác		
Nguyễn Phương Vĩnh Hải	73.284.233	-
Nguyễn Thanh Hạnh	112.780.699	-
Phải thu quá hạn thanh toán		
Công ty Cổ Phần Vận Tải Và Thuê Tàu Biển Việt Nam	911.227.876	2.214.850.196
Phải trả ngắn hạn khác		
Nguyễn Thị Thanh Hà	-	100.000.000
Nguyễn Phương Vĩnh Hải	-	60.000.000
Nguyễn Văn Chính	-	20.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Họ và tên	Chức vụ	Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Ông Nguyễn Thanh Hạnh	Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	321.807.000	323.693.455
Ông Trần Thanh Hải	Chủ tịch HĐQT kiêm Trợ lý Giám đốc	115.053.818	192.975.964
Ông Nguyễn Quốc An Khánh	Thành viên HĐQT	-	41.040.000
Bà Đoàn Thị Thu Hòa	Thành viên HĐQT	-	41.040.000
Bà Nguyễn Phương Vĩnh Hải	Thành viên HĐQT (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)	194.803.800	155.536.337
Bà Phạm Thu Thảo	Trưởng ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)	-	55.885.145
Ông Ngô Thế Khang	Trưởng ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 26 tháng 5 năm 2022)	184.396.200	200.705.164
Ông Nguyễn Văn Sơn	Thành viên kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2022)	-	7.638.000
Ông Nguyễn Văn Chính	Thành viên kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)	141.191.400	88.833.827
Ông Lê Minh Giáp	Thành viên kiểm soát (bổ nhiệm ngày 25 tháng 04 năm 2022)	109.490.400	113.286.055
		1.066.742.618	1.220.633.947

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Tiếp theo)

9. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư Vấn A&C kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 03 năm 2024

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phạm Thu Thảo

Phạm Thu Thảo



Nguyễn Thanh Hạnh